



TRẺ HÓA BÀN TAY BẰNG CHẤT LÀM ĐẦY

BSCKII TRẦN NGỌC PHƯƠNG



YOUNGER SKIN

AGING SKIN



Sắc tố da do ánh nắng

Laser ánh sáng
Peel da hóa chất



Làm đầy mô
(mỡ, chất làm đầy)

Mất thể tích do lớp
da teo mỏng

THANG ĐÁNH GIÁ ĐỘ LÃO HÓA BÀN TAY

Merz Hand Grading Scale (MHGS)



0

Mất mô
mỡ nhẹ



1

Mất mô mỡ nhẹ,
nhìn thấy tĩnh
mạch và gân ít



2

Mất mô mỡ
trung bình, nhìn
thấy tĩnh mạch
và gân ít



3

Mất mô mỡ
nhiều, nhìn thấy
tĩnh mạch và
gân trung bình



4

Mất mô mỡ rất
nhiều, nhìn
thấy tĩnh mạch
và gân rõ

LỰA CHỌN CHẤT LÀM ĐẦY

Table 1 Characteristics of included studies assessing hand rejuvenation (N=31)

Characteristics	Frequency (%)	Characteristics	Frequency (%)
<i>Year</i>		<i>Intervention Type</i>	
2000–2005	1 (3.2)	Radiesse	10 (32.2)
2006–2010	7 (22.6)	Fat grafting	10 (32.2)
2011–2015	7 (22.6)	Restalyne	3 (9.7)
2016–2020	16 (51.6)	Small gel particle hyaluronic acid	1 (3.2)
<i>Journal</i>		Biorevitalization cocktail	1 (3.2)
<i>Dermatologic surgery</i>	7 (22.6)	Dermicol P-25	1 (3.2)
<i>Plastic and reconstructive surgery</i>	5 (16.1)	Cristal 2	1 (3.2)
<i>Aesthetic surgery journal</i>	5 (16.1)	Ellanse Type M	1 (3.2)
Other*	14 (45.2)	Polylactic acid	1 (3.2)
<i>Country</i>		Foam sclerotherapy	1 (3.2)
United States	18 (58.1)	No intervention tested	1 (3.2)
Italy	4 (12.9)		
Egypt	2 (6.5)		
Other**	7 (22.6)		

LỰA CHỌN CHẤT LÀM ĐẦY

- FDA approved 2015
Radiesse®
- 12-15 tháng
- Không thể tiêm giải
như HA
- Có thể sưng 2 tuần

Calcium
Hydroxyapatite



- FDA approved 2018
Restylane Lyft®
- 6-12 tháng
- Có thể giải bằng
hyaluronidase

Hyaluronic acid



CHUẨN BỊ KHI TIÊM



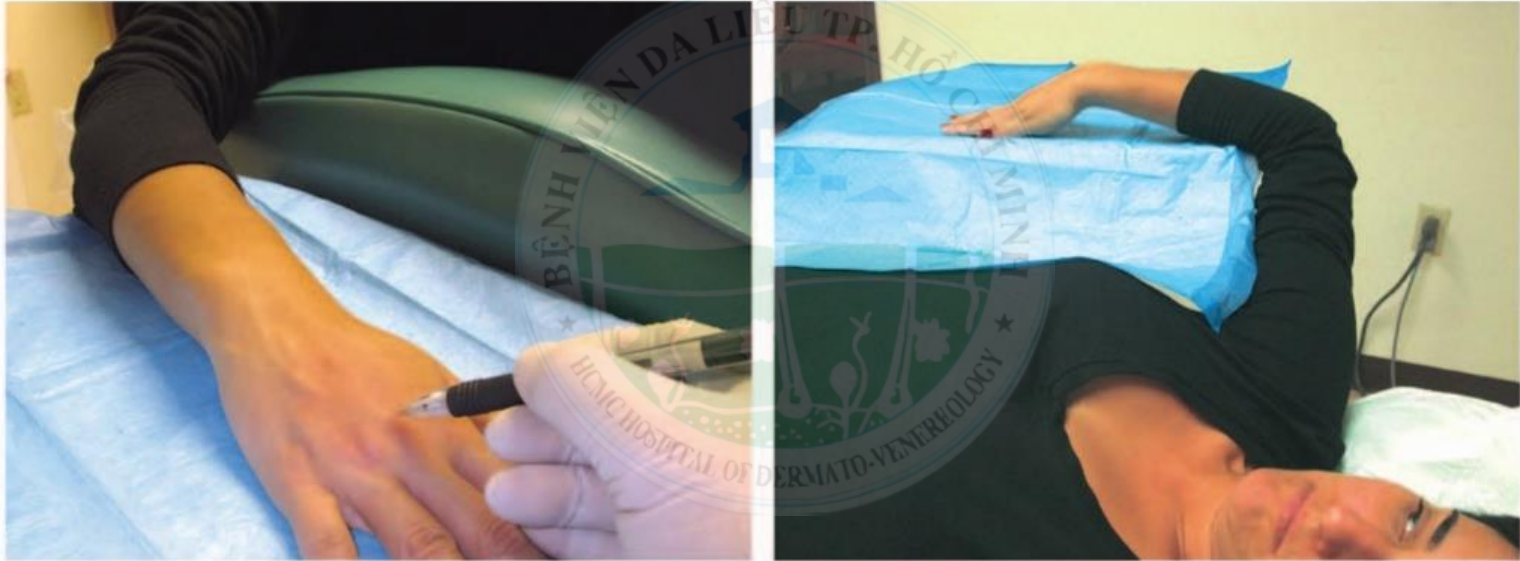
30-40 phút

isopropyl alcohol
hoặc chlorhexidine



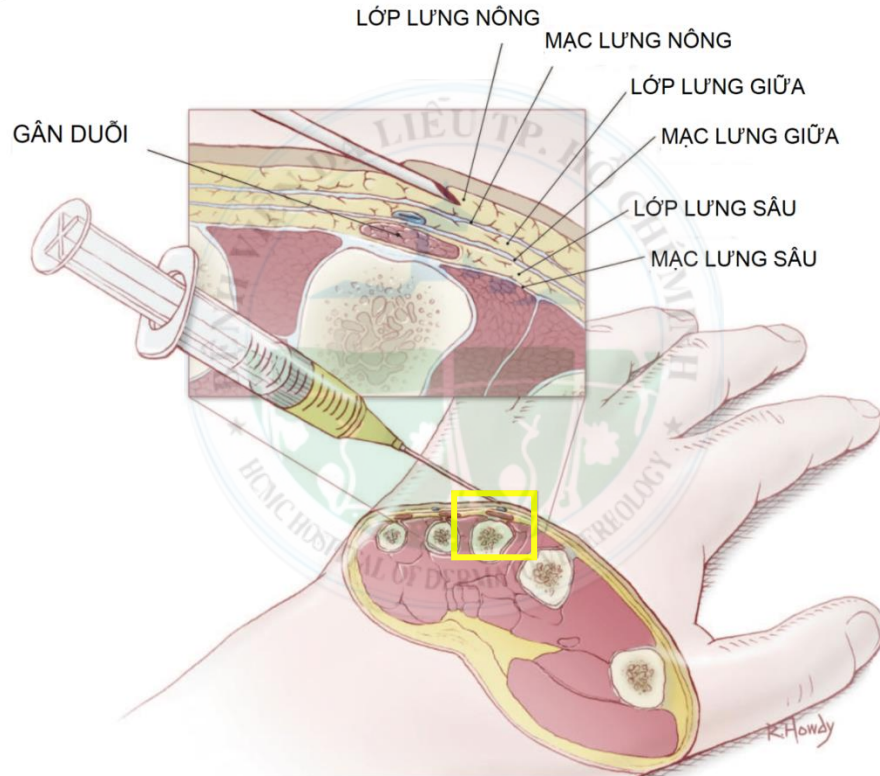
10 phút sau khi tiêm

TRƯỚC TIÊM *Hạ thấp bàn tay*, đánh dấu vùng thiếu thể tích



KHI TIÊM *Nâng cao bàn tay*, giảm áp lực tĩnh mạch, giảm nguy cơ chảy máu, bầm máu

VỊ TRÍ TIÊM



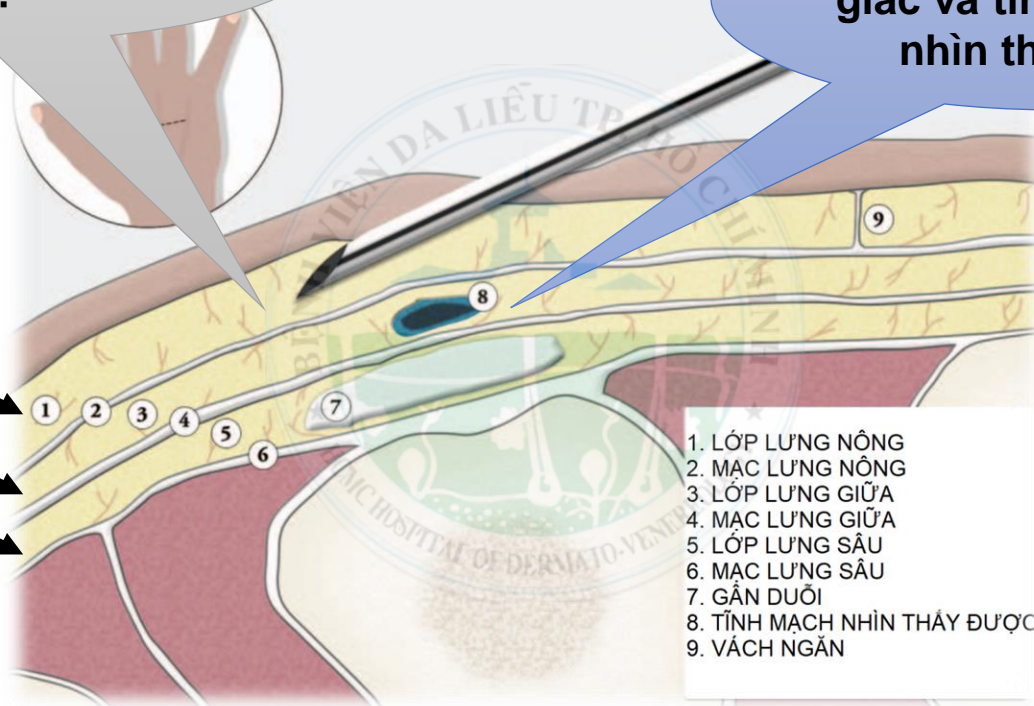
Lớp không có thần kinh và mạch máu

Lớp có thần kinh cảm giác và tĩnh mạch lớn nhìn thấy được

LỚP LỨNG NÔNG

LỚP LỨNG GIỮA

LỚP LỨNG SÂU

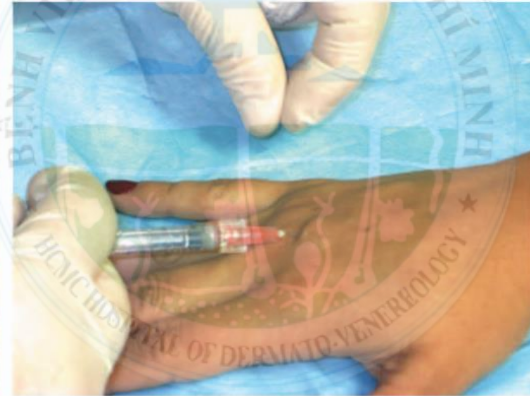


KỸ THUẬT TIÊM “Cắm lều” (Tenting technique) + BOLUS bằng kim

Véo nâng da (tenting)



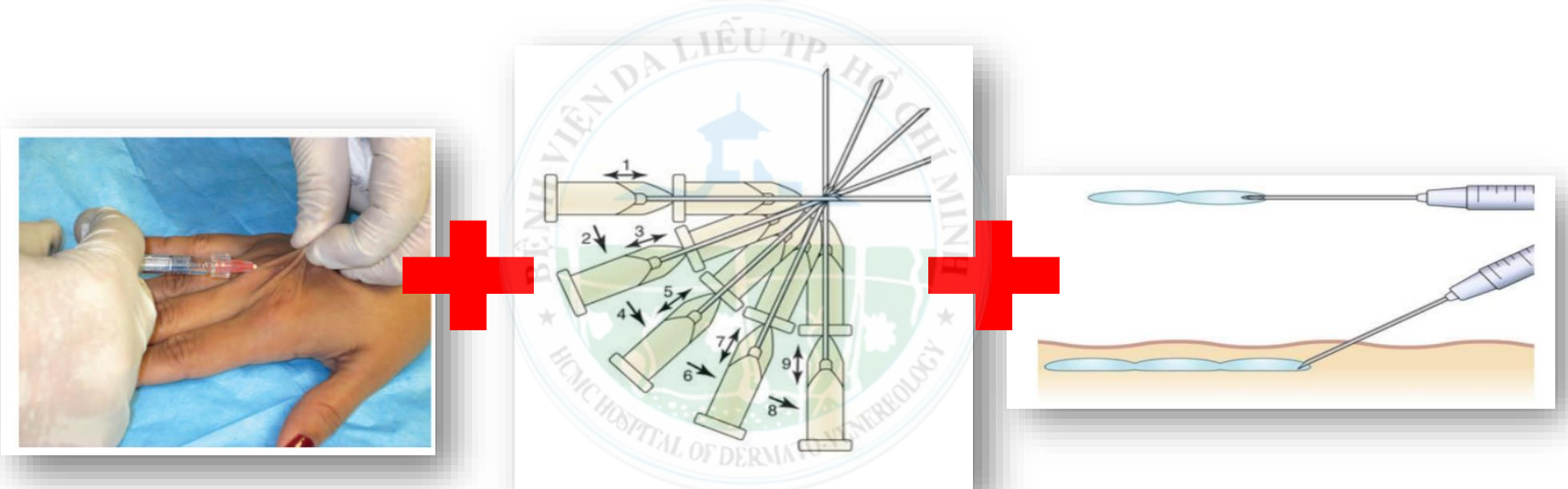
Tiêm bolus



Massage



KỸ THUẬT TIÊM “Cắm lều” (Tenting technique) + Cannula (Fanning technique)



Kết hợp véo nâng da (skin tenting) khi cho cannula vào sẽ làm giảm nguy cơ tổn thương mô



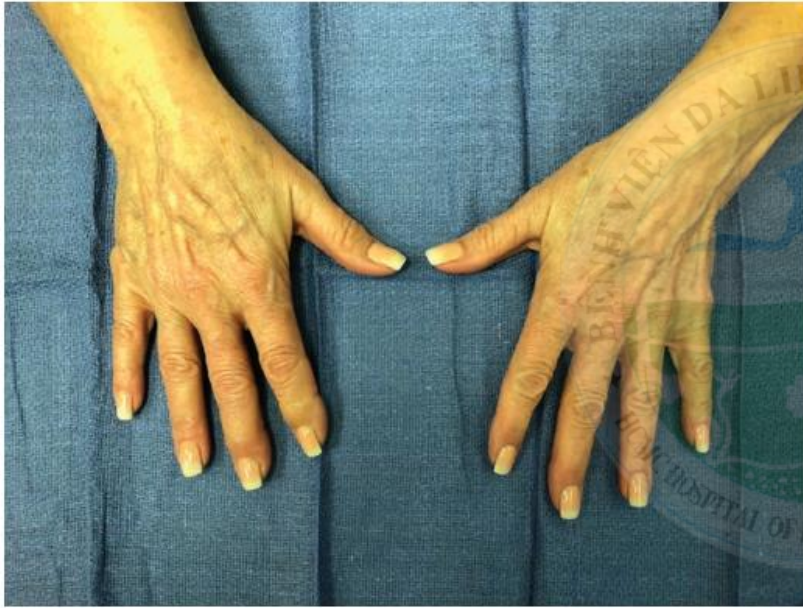
1 năm sau tiêm 1,3ml CaHA

TÁC DỤNG PHỤ

- Bầm tím, sưng, đau, đỏ và ngứa



- Giới hạn thể tích tiêm 1 mL HA hoặc 1,5 mL CaHA mỗi tay giảm đáng kể tỷ lệ sưng tấy.
- Pha loãng CaHA giảm tỉ lệ sưng, bầm
- Canula luôn an toàn > Kim tiêm



Sau tiêm 2ml Restylane Lyft mỗi bên



KẾT HỢP ĐIỀU TRỊ

TABLE 3. Options for Same-Day Combination Treatments

<i>Indication</i>	<i>Combination 1</i>	<i>Combination 2</i>	<i>Combination 3</i>
Pigmentation, vascular lesions mild photoaging	1. IPL 2. QS or picosecond laser	1. IPL 2. 1,550-nm fractional laser	1. QS or picosecond laser 2. 1,550-nm fractional laser
Pigmentation, mild to moderate actinic keratosis	1. ALA × 60 min 2. Vbeam to AKs 3. IPL for full face 4. Red and/or blue light	1. ALA × 90 min 2. Steps 2–4 3. If response incomplete, proceed to combination 3	1. Imiquimod qhs × 1–2 wks before 2. ALA 90 min under occlusion 3. Repeat next steps
Dyschromia skin laxity	1. IPL 2. CaHA/PLLA	1. IPL 2. Nanofractional RF	1. QS or picosecond laser 2. CaHA/PLLA
Dyschromia skin laxity (mild/moderate) volume loss	1. IPL 2. Nanofractional RF 3. CaHA/PLLA	1. Q-switch or picosecond laser 2. Nanofractional RF 3. CaHA/PLLA	1. IPL 2. 1,550 nm 3. CaHA/PLLA
Dyschromia skin laxity (severe) volume loss	1. 1,927 nm 2. Nanofractional RF 3. CaHA/PLLA	1. Nanofractional RF 2. IPL 3. CaHA/PLLA	1. Ablative fractional laser 2. IPL 3. CaHA/PLLA
Bulging veins	Sclerotherapy: not to be combined with any other aesthetic treatment		



- Trẻ hóa da bàn tay ngày càng được chú ý nhiều hơn.
- FDA chấp thuận CaHA (Radiesse®) 2015, HA (Restylane Lyft ®) 2018 cho bàn tay → Kỹ thuật dễ làm, ít tác dụng phụ.
- Nên kết hợp các phương pháp để trẻ hóa bàn tay toàn diện

*Thank
you*

